

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: ~~196~~/2017/CV-JVC  
(V/v: CBTT và giải trình chênh lệch  
BCTC riêng và hợp nhất tự lập điều chỉnh  
Quý IV/2016)

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2017

**Kính gửi:**

- **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**
- **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT NHẬT**
  - Mã chứng khoán: **JVC**
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: 043 683 0516 Fax: 043 683 0578
  - Người thực hiện công bố thông tin: **Lê Thị Hà Thanh**
  - Địa chỉ: Tầng 22 và Tầng 24, Tòa nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 043 683 0516
  - Loại thông tin công bố:  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu :  định kỳ
- Nội dung thông tin công bố (\*):

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Việt Nhật xin báo cáo Quý Ủy ban và Quý Sở về việc điều chỉnh công bố thông tin báo cáo tài chính riêng và hợp nhất tự lập quý IV năm 2016 (giai đoạn từ 01/01/2017 đến 31/03/2017) như sau:

Giải trình chênh lệch số liệu tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau khi điều chỉnh cáo tài chính tự lập quý IV năm 2016, cụ thể như sau:



**I. Công ty mẹ:**

Số TT	Chỉ tiêu tài chính	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017	
		Số trước khi điều chỉnh	Số điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	
	<b>1</b>	<b>4</b>	<b>5</b>	<b>6=5-4</b>
1	Giá vốn hàng bán	86.886.197.382	78.738.613.284	(8.147.584.098)
2	Lợi nhuận gộp	32.584.948.289	40.732.532.387	8.147.584.098
3	Chi phí bán hàng	22.166.925.911	20.070.548.450	(2.096.377.461)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.255.381.604	7.839.381.604	(1.416.000.000)
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.364.227.863)	10.295.733.696	11.659.961.559
6	Chi phí khác	2.333.169.462	2.507.169.462	174.000.000
7	Kết quả từ các hoạt động khác	4.786.208.488	4.612.208.488	(174.000.000)
8	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.421.980.625	14.907.942.184	11.485.961.559
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.421.980.625	14.907.942.184	11.485.961.559

Giải trình chênh lệch số liệu tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau điều chỉnh như sau:

1. Giá vốn hàng bán:

- Do bổ sung hạch toán thêm bút toán xuất hủy hàng hỏng, hết hạn sử dụng 502.594.352.
- Đưa hết vào chi phí kỳ này chi phí sửa chữa phòng khám đặt tại địa chỉ cũ 2.985.342.095 vì đã chuyển phòng khám đi nơi khác và điều chỉnh lại thời gian phân bổ chi phí của một số khoản chi phí trả trước từ 120 tháng xuống 36 tháng làm giá vốn tăng 713.199.861.
- Trích trùng chi phí tư vấn chuyên môn vào giá vốn liên kết (quý trước đã trích) nên điều chỉnh giảm (12.138.720.406)

- Tổng cộng giá vốn giảm= 502.594.352+2.985.342.095+713.199.861-12.138.720.406= (8.147.594.098)
2. Lợi nhuận gộp: Giá vốn giảm (8.147.584.098) làm cho lợi nhuận gộp tăng 8.147.584.098
  3. Chi phí bán hàng: Do trích thừa Lương doanh thu bộ phận bán hàng nên ghi giảm (2.096.377.461)
  4. Chi phí quản lý doanh nghiệp: Do trích thừa Lương doanh thu bộ phận quản lý nên ghi giảm (1.416.000.000)
  5. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Do giá vốn giảm (8.147.584.098), chi phí bán hàng giảm (2.096.377.461), chi phí quản lý giảm (1.416.000.000) làm lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 11.659.961.559
  6. Chi phí khác: Ghi nhận thêm CP liên quan đến thanh lý tài sản đã thanh lý trong kỳ 174.000.000
  7. Kết quả từ các hoạt động khác: Do ghi nhận thêm liên quan đến thanh lý tài sản trong kỳ làm kết quả từ các hoạt động khác giảm (174.000.000)
  8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Do lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 11.659.961.559, kết quả từ các hoạt động khác giảm (174.000.000) làm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 11.485.961.559
  9. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tăng do tổng lợi nhuận trước thuế tăng

## II. Hợp nhất:

Số TT	Chỉ tiêu tài chính	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 03 năm 2017	
		Số trước khi điều chỉnh	Số điều chỉnh	Chênh lệch
		VND	VND	
	1	2	3	4=3-2
1	Tổng doanh thu	125.163.261.950	124.183.357.811	(979.904.139)

2	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	124.530.934.894	123.551.030.755	(979.904.139)
3	Giá vốn hàng bán	89.569.861.113	80.591.182.287	(8.978.678.826)
4	Lợi nhuận gộp	34.961.073.781	42.959.848.468	7.998.774.687
5	Chi phí bán hàng	22.628.529.146	20.532.151.685	(2.096.377.461)
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.399.956.124	10.053.670.922	(346.285.202)
7	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(620.629.796)	9.820.807.554	10.441.437.350
8	Chi phí khác	2.408.098.971	2.582.098.971	174.000.000
9	Kết quả từ các hoạt động khác	4.720.369.888	4.546.369.888	(174.000.000)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.099.740.092	14.367.177.442	10.267.437.350
11	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.866.106.005	16.049.978.693	12.183.872.688

Giải trình chênh lệch số liệu tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trước và sau điều chỉnh như sau:

1. Tổng doanh thu: Công ty con xuất trả hàng nhưng lại ghi nhận doanh thu nên loại trừ thêm nên tổng doanh thu hợp nhất giảm
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ: Do tổng doanh thu giảm nên doanh thu thuần giảm
3. Giá vốn hàng bán:
  - Phần giảm (8.147.584.098) : như đã giải trình ở phần I. mục 1.
  - Phần giảm (831.094.728): Loại trừ giá vốn tương ứng với phần doanh thu công ty con xuất trả lại hàng
  - Tổng cộng giá vốn giảm (8.978.678.826)
4. Lợi nhuận gộp: Doanh thu thuần chỉ chỉ giảm (979.904.139), nhưng giá vốn lại giảm (8.978.678.826) làm cho lợi nhuận gộp tăng 7.998.774.687
5. Chi phí bán hàng: Do trích thừa Lương doanh thu bộ phận bán hàng nên ghi giảm (2.096.377.461)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:
  - Loại trừ hoàn nhập dự phòng phải thu của công ty con 1.069.714.798 làm chi phí quản lý tăng 1.069.714.798

30  
 TỶ  
 HẠN  
 Y T  
 HẬ  
 P. M

- Do trích thừa Lương doanh thu bộ phận quản lý nên ghi giảm (1.416.000.000)
  - Tổng cộng Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm  $1.069.714.798 - 1.416.000.000 = (346.285.202)$
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: Do chi phí bán hàng giảm (2.096.377.461), chi phí quản lý doanh nghiệp giảm (346.285.202) làm cho lợi nhuận thuần tăng  $7.998.774.687 + 2.096.377.461 + 346.285.202 = 10.441.437.350$
  8. Chi phí khác: Ghi nhận thêm CP liên quan đến thanh lý tài sản đã thanh lý trong kỳ 174.000.000
  9. Kết quả từ các hoạt động khác: Do ghi nhận thêm liên quan đến thanh lý tài sản trong kỳ làm kết quả từ các hoạt động khác giảm (174.000.000)
  10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế: Do lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh tăng 10.441.437.350, kết quả từ các hoạt động khác giảm (174.000.000) làm tổng lợi nhuận kế toán trước thuế tăng 10.267.437.350
  11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp: Do bổ sung các bút toán nên trên và do điều chỉnh giảm thuế TNDN phải nộp (không phải nộp thuế do chuyển lỗ từ năm trước) làm lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng 12.183.872.688

Thông tin trên đã được chúng tôi công bố trên website của Công ty theo đường dẫn:

[http://yateviethat.com.vn/bao-cao-tai-chinh\\_t370c312tn.aspx](http://yateviethat.com.vn/bao-cao-tai-chinh_t370c312tn.aspx)

Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Việt Nhật cam kết những thông tin được cung cấp trên đây là trung thực và chính xác.

*Xin trân trọng cảm ơn!*

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu VP.

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**LÊ THỊ HÀ THANH**

